TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. NHA TRANG **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 465/2023/QĐST-HNGĐ	*Nha Trang, ngày 07 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 625/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Thiều Thị Tuyết H** – Sinh năm: 1989

Nơi ĐKHKTT: Số .... Hương Đ, phường Phước H, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: Xóm ..., xã Diên T, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

* Bị đơn: Ông **Phạm Thành T** – Sinh năm: 1982

Nơi ĐKHKTT: Số .... Hương Đ, phường Phước H, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày ngày 30 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Thiều Thị Tuyết H và ông Phạm Thành T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao 02 *(Hai)* con chung là cháu Phạm Thị Hồng Pc - Sinh ngày: 06/11/2013 và cháu Phạm Phúc L - Sinh ngày: 17/4/2016, cho ông Phạm Thành T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn.

Bà Thiều Thị Tuyết H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng: Bà Thiều Thị Tuyết H cấp dưỡng nuôi 02 *(Hai)* con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng/cháu *(Mỗi cháu một triệu đồng/tháng),* tính từ tháng 7/2023 cho đến khi các cháu lần lượt tròn 18 tuổi.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Bà Thiều Thị Tuyết H và ông Phạm Thành T, mỗi người phải nộp 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Thiều Thị Tuyết H phải nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Bà H tự nguyện nộp thay án phí cho ông T nên bà H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* mà bà H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0011860 ngày 27/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Thiều Thị Tuyết H đã nộp đủ án phí.

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- UBND phường Phước Hải, Tp. Nha Trang (Giấy CNKH số 76; Ngày đăng ký: 02/7/2013);
- Lưu: AV, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Ngọc Yến Anh